

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2020/DS-ST

Ngày: 18/5/2020

*V/v: Tranh chấp thừa kế tài sản;*

*Yêu cầu hủy di chúc.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*

Bà Ngô Thị Thu Thiện.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà An Thị Minh Suốt;

Bà Phùng Thị Kim Loan.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội:** Bà Phạm Tú Anh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 18/5/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 84/2019/TLST- DS ngày 05/9/2019 về việc: “Tranh chấp thừa kế tài sản; yêu cầu hủy di chúc”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 121/2019/QĐXX-ST ngày 20/12/2019; của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội - giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Ông P.D.T, sinh năm 1954. CMTND số 010... do Công an TP. Hà Nội cấp ngày 18/06/2013. Trú tại: Nhà số 16E1, Khu tập thể Khoa học QG, phường C.V, quận B.Đ, thành phố Hà Nội. Có mặt.

**2. Bị đơn:** Ông P.D.K, sinh năm 1955. CMTND số 001... do Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 29/4/2014. Trú tại: Số 39 phố H.D, phường L.T.T, quận H.K, thành phố Hà Nội. Có mặt.

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

3.1. Bà P.T.Q, sinh năm 1949. Trú tại: Số 39 phố H.D, phường L.T.T, quận H.K, thành phố Hà Nội. Có mặt.

3.2. Bà P.T.H, sinh năm 1950. Trú tại: 6740 16 è Avenue Montreal, Que-bec, Canada. Có đơn xin xử vắng mặt.

3.3. Ông P.D.T, sinh năm 1952. Trú tại: 56727 Mayen Neustrabe 23, Cộng hòa Liên bang Đức. Có đơn xin xử vắng mặt.

3.4. Bà P.T.H, sinh năm 1957 (đã chết năm 2018). Hiện còn 1 người con là N.T.T.L. Trú tại: Cộng hòa Séc (không rõ địa chỉ cụ thể).

3.5. Bà P.T.T, sinh năm 1958. Trú tại: Josef Endl Webergasse 10A-1230, Cộng hòa Áo. Có đơn xin xử vắng mặt.

3.6. Ông P.D.C, sinh năm 1959. Trú tại: 5476 Flatford Rd, Mississauga-Ont, Canada. Có đơn xin xử vắng mặt.

3.7. Bà P.T.B.L, sinh năm 1961 (đã chết năm 2011). Hiện còn chồng là: Ông M.S và con trai là: M.D (Bố con ông S ở đâu không rõ địa chỉ).

3.8. Ông P.V.S, sinh năm 1963. Trú tại: 5903 Halpine Road, Rockville, Maryland 20851, Mỹ. Có đơn xin xử vắng mặt.

3.9. Phòng công chứng số X thành phố Hà Nội. Trụ sở: Số 310 B.T, phường L.Đ.H, quận H.B.T, thành phố Hà Nội. Đại diện theo pháp luật: Trưởng phòng. Đại diện theo ủy quyền: Ông B.N.T- Phó Trưởng phòng. Có đơn xin xử vắng mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

**Nguyên đơn ông P.D.T trình bày:** Bố ông là cụ P.V.T(chết 10/1/2016 dương lịch), mẹ là cụ L.T.M (chết 14/12/2013 dương lịch). Sinh thời bố mẹ ông sinh được 10 người con: P.T.Q, P.T.H, P.D.T, P.D.T, P.D.K, P.T.H, P.T.T, P.D.C, P.T.B.L, P.V.S.

Bố mẹ ông có khối tài sản là nhà đất ở số 39 phố H.D, phường L.T.T, quận H.K, Hà Nội đã được UBND thành phố Hà Nội cấp GCNQSH nhà ở và QSD đất ở số 10105135067 ngày 22/1/2001 cho chủ sở hữu nhà ở và chủ sử dụng đất ở ông P.V.T và bà L.T.M. Theo GCN thì bố mẹ ông có nhà ở 41,2m<sup>2</sup> tổng diện tích sử dụng; kết cấu nhà tường gạch, mái ngói; số tầng 02; còn đất ở sử dụng riêng là 17,1m<sup>2</sup>; sử dụng chung 120,4m<sup>2</sup>, trên diện tích 137,5m<sup>2</sup> thửa đất.

Ngày 29/12/2005, cụ T và cụ M có lập Di chúc phán quyết về khối tài sản; di chúc được công chứng tại Phòng Công chứng số X, Thành phố Hà Nội.

Năm 2007, cụ T và cụ M xin phép xây dựng số 46/GP-XD nhà tại vị trí đất 17,1m<sup>2</sup>. Theo Giấy phép xây dựng thì 02 cụ xin xây nhà ở 4 tầng, kết cấu bê tông cốt thép. Diện tích xây dựng tầng 1, 2, 3, 4 bằng nhau, mỗi tầng =26m<sup>2</sup>. Tầng 1, 2, 3, 4 cao bằng nhau, mỗi tầng cao 3,0m. Tổng chiều cao nhà 12m; Tổng diện tích sàn xây dựng 104m<sup>2</sup>. Diện tích tầng 1 ( từ trục Y1 đến trục Y2) dùng để các hộ sử dụng chung như trước khi xây dựng. Địa điểm xây dựng: Tại phía trong số nhà 39 H.D, phường L.T.T, quận H.K, thành phố Hà Nội.

Các anh chị em ông trưởng thành, các bà con gái lấy chồng ở nhà chồng; còn anh em trai cũng xây dựng gia đình và ở riêng. Nhà đất của bố mẹ hiện nay do ông K và ông T quản lý sử dụng.

Bà P.T.H chết 05/7/2018 hiện còn một người con là N.T.T.L nhưng không rõ địa chỉ.

Bà P.T.B.L chết năm 2011, hiện còn một con là M.D nhưng không rõ địa chỉ.

Cụ T chết 10/01/2016; cụ M chết 14/12/2013.

Ngày 22/01/2019, anh em ông đã họp gia đình để bàn việc thừa kế di sản của bố mẹ. Trong cuộc họp, anh em ông xem xét lại nội dung di chúc thì thấy: di chúc đã mô tả tài sản của bố mẹ không đúng với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở do UBND TP. Hà Nội cấp nên anh em ông không thể khai nhận di sản thừa kế theo di chúc của 02 cụ. Trong gia đình cũng không giải quyết được.

Nay ông có đơn khởi kiện để yêu cầu Tòa án căn cứ pháp luật: Tuyên hủy di chúc chung của cụ Tvà cụ M. Chia thừa kế theo quy định pháp luật tài sản của 02 cụ để lại. Trước khi chia thừa kế tài sản, đề nghị Tòa án dành lại cho toàn thể anh em ông giá trị 1/7 di sản giao cho ông T chịu trách nhiệm tạo dựng nơi thờ cúng chung. Di sản còn lại chia làm 11 phần vì trong đó có 1 kỷ phần để thanh toán công sức cho ông Tvà ông K; còn lại mỗi người hưởng kỷ phần 1/11. Riêng kỷ phần của bà Hạnh và bà Liên ( 2 bà đều đã chết mà chưa tìm được địa chỉ của các con bà ) thì giao cho ông T quản lý đến khi con của các bà có yêu cầu thì ông Tsẽ chủ động giải quyết.

**Bị đơn ông P.D.K trình bày:** ông nhất trí như lời khai của ông Tvề quan hệ huyết thống, thời gian bố mẹ các ông chết. Khi bố mẹ các ông còn sống có lập di chúc phán quyết về tài sản sau khi các cụ chết. Tuy nhiên di chúc đã mô tả tài sản không chính xác dẫn đến khó phân chia và sử dụng. Tài sản của bố mẹ là nhà đất đã được cấp GCNQSD đất năm 2001. Chính vì vậy các anh chị em ông đã họp bàn cách giải quyết nhưng do còn di chúc của bố mẹ nên vẫn chưa giải quyết được. Nay ông T kiện yêu cầu hủy di chúc và chia thừa kế tài sản của bố mẹ theo quy định pháp luật thì ông cũng nhất trí và đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết.

**Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

Ông P.V.S, ông P.D.C, bà P.T.T, ông P.D.T, bà P.T.H ( là anh chị em ruột của ông T và ông K) đều có lời khai nhất trí như lời khai của nguyên đơn ông Tvề quan hệ huyết thống; thời gian bố mẹ chết; về tài sản của bố mẹ để lại. Nhất trí hủy di chúc của bố mẹ do nội dung mô tả tài sản không chính xác. Nhất trí để lại 1/7 trị giá di sản để xây nhà thờ chung; nhất trí thanh toán công sức quản lý duy trì di sản cho ông Tvà ông K, còn lại thì yêu cầu chia thừa kế theo quy định pháp luật.

Bà P.T.Q nhất trí như yêu cầu của nguyên đơn ông Tâm.

Phòng Công chứng số X TP. Hà Nội do đại diện theo ủy quyền trình bày: Phòng Công chứng có công chứng bản di chúc chung của vợ chồng số 14155.05,

quyền số 03 ngày 29/12/2005. Phòng Công chứng xác định về thủ tục công chứng đúng trình tự luật định; về nội dung không vi phạm pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Nay có tranh chấp thừa kế liên quan đến di chúc, Phòng Công chứng đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết.

Tại phiên toà:

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn ông K giữ nguyên quan điểm.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Quy giữ nguyên quan điểm đồng ý với lời khai và yêu cầu của nguyên đơn. Những người liên quan khác đều có lời khai xin giải quyết vắng mặt.

- Đại diện VKS nhân dân TP. Hà Nội phát biểu quan điểm:

+ Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn; bị đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng các quy định pháp luật về quyền và nghĩa vụ tố tụng. Thẩm phán thụ lý hồ sơ xác định đúng quan hệ pháp luật vụ án; Quá trình giải quyết vụ án thực hiện đúng theo trình tự quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự.

HĐXX sơ thẩm đã thực hiện nghiêm túc quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ. Đại diện VKSND Thành phố Hà Nội đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông P.D.T về việc chia thừa kế di sản của bố mẹ để lại đối với ông P.D.K. Chấp nhận yêu cầu hủy di chúc chung của cụ Tvà cụ M. Chia thừa kế di sản của hai cụ theo quy định pháp luật. Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự về việc trích 1/7 di sản của hai cụ để làm nơi thờ cúng chung. Thanh toán công quản lý duy trì di sản cho ông Tvà ông K. Hướng giao toàn bộ di sản là hiện vật cho ông Tsở hữu, sử dụng và ông Tcó trách nhiệm thanh toán kỹ phần thừa kế bằng tiền cho các thừa kế khác.

Án phí DSST: các đương sự phải chịu theo quy định pháp luật đối với kỹ phần thừa kế được chia. Miễn án phí cho các đương sự từ 60 tuổi trở lên theo quy định của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, yêu cầu của các bên đương sự; quan điểm giải quyết vụ án của đại diện VKSND thành phố Hà Nội.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

I/ Về thủ tục tố tụng: ông P.D.T có đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế và yêu cầu hủy bản di chúc.

Theo khoản 5 Điều 26 BLTTDS xác định quan hệ pháp luật là: “ Tranh chấp về thừa kế tài sản” thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân. Do người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án là người định cư ở nước ngoài, nên theo Điều a Khoản 1 Điều 37 BLTTDS xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân cấp tỉnh.

## II/ Về nội dung vụ án:

[1]. Về quan hệ huyết thống theo lời khai thống nhất của các đương sự: Cụ P.V.T( chết 10/1/2016 dương lịch) và cụ L.T.M( chết 14/12/2013 dương lịch). Sinh thời các cụ sinh được 10 người con: bà P.T.Q; bà P.T.H; ông P.D.T; ông P.D.T; ông P.D.K; bà P.T.H; bà P.T.T; ông P.D.C; bà P.T.B.L; ông P.V.S. Trong đó bà P.T.H đã chết 05/7/2018 còn 1 con gái nhưng không rõ địa chỉ. Bà P.T.B.L đã chết năm 2011 chồng bà Liên đã lấy vợ khác và 1 con trai nhưng không biết địa chỉ. Các cụ không có con nuôi, con riêng.

[2]. Về tài sản của cụ T và cụ M: Các bên đương sự công nhận tài sản của hai cụ để lại là nhà đất đã được UBNDTP. Hà Nội cấp GCNQSHNO &QSĐĐO số 10105135067 ngày 22/1/2001 cho chủ sở hữu nhà ở và chủ sử dụng đất ở ông P.V.Tvà vợ bà L.T.M. Theo GCN Về nhà ở: cụ Tvà cụ Mđược quyền sở hữu 41,2m2 nhà ở; Về đất ở: 2 cụ được sử dụng thửa đất số 586/1F tờ bản đồ số D6-Lập 1956 có diện tích 137,5m2 trong đó sử dụng riêng 17,1m2 đất ở, sử dụng chung 120,4m2 đất ở tại số 39 phố H.D, phường L.T.T, quận H.K, Hà Nội. Hiện đang do ông Tvà ông K quản lý sử dụng.

Nay cụ Tvà cụ Mđã chết, tài sản của các cụ là di sản thừa kế.

Ngoài ra các bên đương sự còn thống nhất: khi hai cụ còn sống đã phá nhà khép kín 17,1m2 để xây nhà tầng tại vị trí đất 17,1m2 sử dụng riêng. Nay cũng là di sản thừa kế của các cụ.

Tại phiên tòa, các bên nhất trí số tiền vốn đầu tư của hàng Giày dép của các cụ để lại do ông K quản lý nhưng không bán được hàng nên số tiền vốn đó không còn và không tính vào di sản của các cụ nữa. Nên ghi nhận.

## [3]. Về thời điểm và thời hiệu mở thừa kế:

Cụ P.V.Tchết năm 2016, cụ L.T.M chết năm 2013. Vì vậy xác định thời điểm mở thừa kế của cụ M là năm 2013; của cụ T là năm 2016. Theo quy định của Điều 623 BLDS 2015 thì thời hiệu mở thừa kế của hai cụ còn trong hạn luật định.

## [4]. Xét yêu cầu hủy Di chúc chung của cụ Tvà cụ M như sau:

Xét “ Di chúc chung của vợ chồng” do cụ P.V.Tvà cụ L.T.M lập ngày 29/12/2005 ( BL 06) đã được Phòng công chứng số X thành phố Hà Nội công chứng - số công chứng 14155-05-Quyển số 03. Thấy:

Về hình thức của di chúc do 2 cụ lập thành văn bản và có công chứng là phù hợp với quy định tại các Điều 624; 625; 626; 627; điểm 3 điều 628 BLDS 2015.

Về nội dung của di chúc có phán quyết về động sản là 100.000.000đ vốn mở cửa hàng bán giày dép tại nhà số 39 phố H.D, quận H.K, Hà Nội; và bất động sản có hai căn hộ nằm trong cùng một số nhà 39 phố H.D tọa lạc trên thửa đất số 586/1F, tờ bản đồ D6-lập năm 1956 trong đó: 01 căn hộ mặt phố 39 phố H.D có tổng diện tích 41,2m<sup>2</sup> hiện tầng 1 là cửa hàng bán giày dép; và tầng 2 là gác xép làm nơi ở và 01 căn hộ khép kín 17,1m<sup>2</sup> nằm phía trong của ngôi nhà 39 phố H.D ( cạnh căn hộ nhà ông T, bà M).

So sánh với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ thì thấy: Căn hộ khép kín 17,1m<sup>2</sup> nằm phía trong của ngôi nhà 39 phố H.D ( cạnh căn hộ nhà ông T, bà M) đã được cụ T và cụ M phá dỡ, xây nhà tầng năm 2007 theo Giấy phép xây dựng số 46/GP-XD ngày 21/03/2007 của Ủy ban nhân dân quận H.K, Hà Nội. Như vậy, tài sản của cụ T và cụ M đã có thay đổi so với di chúc các cụ lập trước đó. Vì vậy, các con cụ T và cụ M không thể căn cứ di chúc để quản lý sử dụng tài sản được; và họ đều có đề nghị hủy di chúc chung của cụ T và cụ M là có căn cứ. Nên HĐXX chấp nhận.

[5]. Mở thừa kế và chia tài sản thừa kế của cụ T và cụ M theo quy định pháp luật như sau:

5.1. Xác định di sản và giá trị di sản:

Tài sản của 2 cụ nay là di sản gồm:

Nhà ở 41,2m<sup>2</sup> trị giá:  $41,2\text{m}^2 \times 5.971.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 40\% = 98.402.080\text{đ}.$

Gác xép để đồ:  $18,5\text{m}^2 \times 952.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 40\% = 7.044.800\text{đ}.$

QSD đất:  $41,2\text{m}^2 \times 250.000.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 70\% = 7.210.000.000\text{đ}.$

Nhà 5 tầng:  $134,3\text{m}^2 \times 5.931.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 80\% = 637.226.640\text{đ}.$

QSD đất:  $17,1\text{m}^2 \times 250.000.000\text{đ}/\text{m}^2 = 4.300.000.000\text{đ}.$

Cộng= 12.252.673.520đ.

Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự dành 1/7 di sản để làm nơi thờ cúng:  $1/7 \text{ của } 12.252.673.520\text{đ} = 1.750.382.000\text{đ}.$

Di sản còn lại để chia là:  $(12.252.673.520\text{đ} - 1.750.382.000\text{đ}) = 10.502.291.520\text{đ}.$

Ông T và ông K có công trông nom di sản nên thanh toán cho mỗi ông tương đương 1/2 phần thừa kế.

5.2. Hàng thừa kế thứ nhất của 02 cụ là 10 người con; Vì hàng thừa kế đều là con của các cụ nên mở thừa kế chia di sản của 02 cụ một lần. Di sản thừa kế được chia 11 phần, mỗi đầu thừa kế được chia 1/11 của  $10.502.291.520\text{đ} = 954.753.774,545\text{đ}.$

Còn lại  $1/11 = 954.753.774,545\text{đ}$  để thanh toán công sức cho 2 ông : ông T= ông K =  $1/2$  là  $477.376.887,272\text{đ}$ .

Ghi nhận sự tự nguyện của các bên giao toàn bộ di sản bằng hiện vật cho ông P.D.T sở hữu, sử dụng. Ông T có trách nhiệm thanh toán các kỷ phần thừa kế cho 9 người bằng tiền.

[6]. Về án phí DSST: Các đương sự đều phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với kỷ phần thừa kế được chia. Cụ thể: án phí của 1 kỷ phần thừa kế  $954.753.774,545\text{đ}$  là  $12.000.000\text{đ} + [(954.753.774,545\text{đ} - 400.000.000\text{đ}) \times 2\%] = 23.095.000\text{đ}$ . Như vậy, ông P.V.S phải chịu án phí là  $23.095.000\text{đ}$ . Còn các đương sự khác đều là người cao tuổi (trên 60 tuổi) nên được miễn toàn bộ án phí theo quy định tại Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Lệ phí chi xem xét và định giá tài sản: ghi nhận sự tự nguyện của ông T chịu cả và đã được thanh toán xong.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Khoản 5 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 37 ; Điều 271; 272; 273 của BLTTDS.

Căn cứ các Điều 609; 610; 611; 612; 613; 614; 618; 623; 649; 650; 651 của BLDS 2015.

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

### **Tuyên xử:**

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của ông P.D.T về việc kiện chia thừa kế di sản của cụ P.V.T và cụ L.T.M.

Hủy “ Di chúc chung của vợ chồng” do cụ P.V.T và cụ L.T.M lập ngày 29/12/2005 đã được Phòng công chứng số X thành phố Hà Nội công chứng - số công chứng 14155-05 - Quyền số 03.

2. Xác định di sản thừa kế cụ T và cụ M để lại là:

Nhà ở  $41,2\text{m}^2$  trị giá:  $41,2\text{m}^2 \times 5.971.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 40\% = 98.402.080\text{đ}$ .

Gác xếp đồ:  $18,5\text{m}^2 \times 952.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 40\% = 7.044.800\text{đ}$ .

QSD đất  $41,2\text{m}^2 \times 250.000.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 70\% = 7.210.000.000\text{đ}$ .

Nhà 5 tầng:  $134,3\text{m}^2 \times 5.931.000\text{đ}/\text{m}^2 \times 80\% = 637.226.640\text{đ}$ .

QSD đất  $17,1\text{m}^2 \times 250.000.000\text{đ}/\text{m}^2 = 4.300.000.000\text{đ}$ .

Cộng =  $12.252.673.520\text{đ}$ .

Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự giành 1/7 di sản để làm nơi thờ cúng:  
1/7 của 12.252.673.520đ = 1.750.382.000đ.

Di sản còn lại để chia là: (12.252.673.520đ - 1.750.382.000đ) = 10.502.291.520đ.

Ông P.D.T và ông P.D.K có công trông nom di sản nên thanh toán cho mỗi ông tương đương 1/2 kỷ phần thừa kế.

3. Hàng thừa kế thứ nhất của 02 cụ P.V.T và L.T.M là 10 người con là: Bà P.T.Q, P.T.H, ông P.D.T, ông P.D.T, ông P.D.K, bà P.T.H (do ông P.D.T đại diện nhận), bà P.T.T, ông P.D.C, bà P.T.B.L (do ông P.D.T đại diện nhận), ông P.V.S.

4. Mở thừa kế chia di sản của cụ P.V.T và L.T.M theo quy định pháp luật; và chia thừa kế một lần. Di sản thừa kế được chia 11 phần, mỗi thừa kế được chia 1/11 của 10.502.291.520đ = 954.753.774,545đ.

Còn lại 1/11 = 954.753.774,545đ để thanh toán công sức cho 2 ông: ông P.D.T và ông P.D.K mỗi ông 1/2 kỷ phần thừa kế là 477.376.887,272đ.

5. Sau khi mở thừa kế kỷ phần của mỗi ông bà; và công sức quản lý di sản được hưởng như sau:

Bà P.T.Q: 954.753.774,545đ

Bà P.T.H: 954.753.774,545đ

Ông P.D.T: 954.753.774,545đ

Ông P.D.T: 954.753.774,545đ + 477.376.887,272đ = 1.432.130.631,81đ.

Ông P.D.K: 954.753.774,545đ + 477.376.887,272đ = 1.432.130.631,81đ.

Bà P.T.H: 954.753.774,545đ

Bà P.T.T: 954.753.774,545đ

Ông P.D.C: 954.753.774,545đ

Bà P.T.B.L: 954.753.774,545đ

Ông P.V.S: 954.753.774,545đ

6. Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự giao cho ông P.D.T sở hữu, sử dụng toàn bộ di sản bằng hiện vật là nhà đất đã được UBND TP. Hà Nội cấp GCNQSHNO & QSDĐO số 10105135067 ngày 22/1/2001 cho chủ sở hữu nhà ở và chủ sử dụng đất ở ông P.V.T và vợ bà L.T.M; và sở hữu ngôi nhà tầng nằm phía trong của ngôi nhà 39 phố H.D (cạnh căn hộ nhà ông T, bà M) đã được cụ T và cụ M phá dỡ, xây nhà tầng năm 2007 theo Giấy phép xây dựng số 46/GP-XD ngày 21/03/2007 của Ủy ban nhân dân quận H.K, Hà Nội.

Ông P.D.T có trách nhiệm thanh toán các kỷ phần thừa kế bằng tiền cho bà P.T.Q, bà P.T.H, ông P.D.T, ông P.D.K, bà P.T.H (do ông P.D.T đại diện nhận và giao lại cho gia đình bà Hạnh khi có yêu cầu), bà P.T.T, ông P.D.C, bà P.T.B.L (do ông P.D.T đại diện nhận và giao lại cho gia đình bà Liên khi có yêu cầu), ông



P.V.S. Mỗi kỳ phân thừa kế = 954.753.774,545đ ( Chín trăm năm mươi bốn triệu, bảy trăm lăm mươi ba nghìn, bảy trăm bảy mươi bốn đồng), và thanh toán công sức cho ông K là: 477.376.887,272đ (Bốn trăm bảy mươi bảy triệu, ba trăm bảy mươi sáu nghìn, tám trăm tám mươi bảy đồng). Ông P.D.T có trách nhiệm quản lý số tiền: 1.750.382.000đ (Một tỷ, bảy trăm lăm mươi triệu, ba trăm tám mươi hai nghìn đồng) đến khi các anh chị em ông Tsử dụng số tiền này để tạo lập nơi thờ cúng bố mẹ.

Ông P.D.T có trách nhiệm đến Cơ quan cấp có thẩm quyền để làm thủ tục điều chỉnh lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở, quyền sở hữu nhà ở số 10105135067 do Ủy ban nhân dân TP.Hà Nội ký cấp ngày 22/1/2001 cho chủ sở hữu nhà ở và chủ sử dụng đất ở ông P.V.Tvà vợ bà L.T.Mtheo quyết định của bản án. Và làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở đối với ngôi nhà tầng nằm phía trong của ngôi nhà 39 phố H.D, phường L.T.T, quận H.K, thành phố Hà Nội ( cạnh căn hộ nhà ông T, bà M) đã được cụ Tvà cụ Mphá dỡ, xây nhà tầng năm 2007 theo Giấy phép xây dựng số 46/GP-XD ngày 21/03/2007 của Ủy ban nhân dân quận H.K, Hà Nội.

7. Án phí DSST: Ông P.V.S ( do ông P.D.T đại diện) phải chịu án phí là 23.095.000đ.

Lệ phí chi xem xét và định giá tài sản: ghi nhận sự tự nguyện của ông P.D.Tchịu cả và đã thanh toán xong.

8. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan chỉ được quyền kháng cáo về phần có liên quan.

**Nơi nhận:**

- VKSND thành phố Hà Nội
- Cục THADS TP. Hà Nội
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Ngô Thị Thu Thiện**